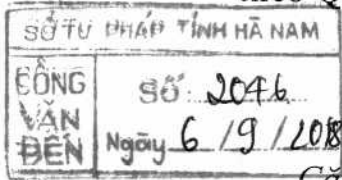


Số: **34** /2018/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **05** tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải (tại Tờ trình số 855/TTr-SGTVT ngày 15 tháng 6 năm 2018); Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp (tại Văn bản số 19/BCTĐ-STP ngày 13 tháng 6 năm 2018),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam, bao gồm:

**1. Sửa đổi Điều 3 như sau:**

**“Điều 3. Phạm vi quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**

Phạm vi quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo nội dung Chương V, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2010; Điều 1, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính Phủ; Chương II, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 và khoản 1, khoản 2, Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải”.

**2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, thay thế khoản 4 Điều 5 như sau:**

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Việc khai thác, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tuân theo Điều 26, Điều 28 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2010; Điều 10, Điều 11, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015; Khoản 3, khoản 4 Điều 1, Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 và các quy định tại Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2016.”

b) Thay thế khoản 4 Điều 5 như sau:

“4. Đối với các dự án thủy điện, thủy lợi có tuyến tránh ngập và các dự án khác có tuyến tránh:

a) Kinh phí xây dựng tuyến tránh do chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm.

b) Chủ đầu tư dự án ngay từ bước lập dự án về hướng tuyến, quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan đối với hệ thống đường địa phương phải có ý kiến thỏa thuận của Cơ quan có thẩm quyền theo Điều 4 tại quy định này thỏa thuận đối với hệ thống đường được giao quản lý”.

**3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:**

**“Điều 6. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**

Loại công trình thiết yếu, yêu cầu thực hiện các quy định xây dựng công trình thiết yếu trong và ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được quy định cụ thể tại Điều 12, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 và khoản 5 Điều 1, Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải”.

**4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:**

**“Điều 7. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác**

1. Thẩm quyền chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu; chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu:

- Sở Giao thông vận tải chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu; chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trên hệ thống đường tỉnh.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu; chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trên hệ thống đường huyện.

- Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu; chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trên hệ thống đường xã.

- Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác đường chuyên dùng chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu; chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trên hệ thống đường chuyên dùng do đơn vị quản lý.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định này.

- Hồ sơ, bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư hoặc hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình có đầy đủ các thông tin sau: vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ.

+ Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến mặt đất, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa.

+ Đối với công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế;

- Trường hợp chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu, đơn đề nghị và hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định này.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Thời hạn giải quyết trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

d) Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công công trình thiết yếu có giá trị trong thời gian 18 tháng kể từ ngày ban hành; nếu quá 18 tháng, phải thực hiện thủ tục gia hạn. Thủ tục gia hạn quy định như sau:

- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam;

- Thời gian giải quyết: trong 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn gia hạn theo quy định;

- Thời gian gia hạn: chỉ thực hiện việc gia hạn 01 lần với thời gian không quá 12 tháng;

- Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

3. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu; chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu cùng thời điểm với cấp phép thi công công trình thiết yếu quy định tại khoản 1 Điều 7 Quyết định này chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu cùng thời điểm với cấp phép thi công công trình thiết yếu áp dụng đối với dự án sửa chữa công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của các tuyến đường địa phương đang khai thác; công trình đường dây tải điện, thông tin, viễn thông vượt phía trên đường bộ có cột nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ nhưng phải bảo đảm quy định về phạm vi bảo vệ trên không, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2010, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015, Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ GTVT và quy định này".

### **5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:**

“2. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công công trình thiết yếu bao gồm:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

Trường hợp chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu theo quy định tại khoản 3 Điều 7; đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục số 1a ban hành kèm theo Quy định này;

- Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này;

- 02 (hai) bản vẽ thiết kế thi công và biện pháp tổ chức thi công đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính). Nội dung bản vẽ thiết kế thi công thể hiện quy mô công trình, hạng mục công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quyết định này; biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công, phương án bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức giao thông.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Thời hạn giải quyết trong 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

d) Hết hạn thi công, Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng công trình thiết yếu phải có văn bản đề nghị gia hạn thời gian thi công, thời gian gia hạn thi công phải đáp ứng thời gian yêu cầu của văn bản chấp thuận quy định tại mục d, khoản 2, Điều 7 quy định này;

e) Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cấp phép thi công và nghiệm thu hoàn trả công trình đường bộ. Cơ quan cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, tham gia nghiệm thu và tham gia xác nhận hết bảo hành đối với công tác hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do thi công xây dựng, sửa chữa công trình thiết yếu".

#### **6. Sửa đổi, bổ sung tên và nội dung Điều 9 như sau:**

**“Điều 9. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình thiết yếu**

Nội dung trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình thiết yếu được thực hiện theo nội dung chi tiết tại Điều 15, Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 và khoản 8 Điều 1, Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải”.

**7. Sửa đổi bổ sung điểm b khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, bãi bỏ điểm e khoản 1, điểm e khoản 2, điểm c khoản 3, Điều 14 như sau:**

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 14:

“b) Đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu, đường nối trực tiếp từ các công trình đơn lẻ.”

b) Bãi bỏ điểm e khoản 1, điểm e khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 14.

**8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:**

“1. Đối với hệ thống đường tỉnh:

Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh phải thông qua điểm đầu nối nằm trong quy hoạch các điểm đầu nối đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối liền kề cùng phía vào đường tỉnh được thực hiện như sau:

a) Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 14 Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND và sửa đổi, bổ sung tại điểm a, khoản 7 Điều 1 Quyết định này nằm trong khu vực nội thành, nội thị được xác định theo quy hoạch giao thông đô thị đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh quy định tại Khoản 1 Điều 14 Quyết định 32/2016/QĐ-UBND và sửa đổi, bổ sung tại điểm a, khoản 7 Điều 1 Quyết định này nằm ngoài khu vực nội thành, nội thị:

- Đối với các tuyến đường tỉnh không có dải phân cách giữa, khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề cùng phía dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến đường tỉnh, cụ thể như sau: đối với tuyến đường cấp I, II không nhỏ hơn 5.000 mét, đối với đường cấp III không nhỏ hơn 1.500 mét, đối với đường cấp IV trở xuống không nhỏ hơn 1.000 mét.

- Đối với các tuyến có dải phân cách giữa, có đủ quỹ đất để xây dựng làn chuyển tốc (phương tiện qua nút giao chỉ rẽ phải), khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến cụ thể như sau: Tuyến đường cấp I, II không nhỏ hơn 2.000 mét, đường từ cấp III trở xuống không nhỏ hơn 1.000 mét.”

c) Trường hợp khu vực có địa hình mà hành lang đường bộ bị chia cắt như núi cao, vực sâu, sông, suối và các chướng ngại vật khác khó khăn trong việc di dời; các công trình phục vụ an ninh, quốc phòng, công trình quan trọng phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương, khoảng cách giữa hai điểm đầu nối phải được Sở Giao thông vận tải chấp thuận và đáp ứng các điều kiện kỹ thuật sau:

- Đảm bảo các yếu tố hình học tại vị trí đầu nối, tuân thủ theo yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành;

- Đảm bảo điều kiện về an toàn giao thông, tổ chức giao thông phù hợp với điều kiện thực tế tại vị trí đầu nối”.

d) Các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại, dịch vụ hoặc các dự án khác xây dựng dọc đường bộ phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và phải có đường gom nối từ dự án vào các đường nhánh; trường hợp không có đường nhánh, được đầu nối trực tiếp đường gom vào đường tỉnh nhưng phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh theo quy định tại Quyết định này. Trường hợp đặc biệt do điều kiện địa hình, địa vật khó khăn hoặc không đủ quỹ đất, có thể xem xét cho phép một phần đường gom nằm trong hành lang an toàn đường bộ. Sở Giao thông vận tải chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông tại điểm đầu nối vào đường gom hệ thống đường tỉnh; việc đầu nối vào đường gom không phải thực hiện quy định về khoảng cách tối thiểu giữa 2 điểm đầu nối.

đ) Trong trường hợp đặc biệt tại những vị trí đầu nối thuộc đoạn tuyến không đủ điều kiện làm đường gom, chủ đầu tư dự án, chủ công trình báo cáo Sở Giao thông vận tải để xem xét hoặc chấp thuận cho phép đầu nối trực tiếp với đường tỉnh. Thiết kế nút giao đầu nối phải có giải pháp mở rộng mặt đường, bán kính cong, tầm nhìn (việc thiết kế làn chuyển tốc tại khu vực đầu nối được xem xét cụ thể dựa trên lưu lượng xe ra vào nút giao và tính chất phức tạp của nút giao) và bố trí đầy đủ hệ thống trang thiết bị đảm bảo an toàn giao thông, biển báo hiệu theo quy định”.

## 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

### “Điều 19. Đầu nối các cửa hàng xăng dầu vào hệ thống đường địa phương

1. Đối với đường tỉnh, đường huyện, đường chuyên dùng: Khoảng cách đầu nối giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề (tính từ điểm giữa của cửa hàng) hoặc đầu nối đường dẫn vào đường tỉnh, đường huyện, đường chuyên dùng vừa phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối được quy định tại Quyết định này đồng thời đảm bảo khoảng cách giữa hai cửa hàng xăng dầu, cụ thể như sau:

a) Trong khu vực nội thành, nội thị (theo quy định của Chính phủ về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị): theo quy hoạch đô thị đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Ngoài khu vực nội thành, nội thị: Đối với tuyến đường có giải phân cách giữa có đủ quỹ đất để xây dựng làn chuyên tốc (phương tiện quan nút giao chỉ rẽ phải) khoảng cách đầu nối giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề dọc theo mỗi bên đường không nhỏ hơn 3.000 mét; Đối với tuyến đường không có giải phân cách giữa khoảng cách đầu nối giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề dọc theo mỗi bên đường không nhỏ hơn 6.000 mét.

c) Đối với trường hợp cửa hàng xăng dầu nằm ngoài khu vực nội thành, nội thị, giáp ranh với khu vực nội thành, nội thị, khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề cùng phía được áp dụng như quy định đối với khu vực ngoài đô thị và được tính từ cửa hàng xăng dầu gần nhất trong khu vực nội thành, nội thị.

d) Đối với các đoạn tuyến đường tỉnh chạy dọc, liền kề với tuyến đường sắt, sông suối, vực sâu, khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề được áp dụng như quy định đối với tuyến đường có dải phân cách giữa;

đ) Đối với cửa hàng xăng dầu được xây dựng ở lân cận hoặc trùng với điểm đầu nối của đường nhánh khác, phải điều chỉnh để tại vị trí đó chỉ tồn tại một điểm đầu nối theo hướng ưu tiên điểm đầu nối của công trình có trước hoặc sử dụng chung.

2. Đối với đường xã: Khoảng cách đầu nối giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề dọc theo mỗi bên đường không nhỏ hơn 1.500 mét.

3. Đối với những tuyến đường đã có quy hoạch các cửa hàng xăng dầu thì thực hiện theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

## 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 22 như sau:

"4. Sở Công thương

Có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý hoạt động đầu tư xây dựng và hoạt động kinh doanh của các cửa hàng xăng dầu, công trình điện và các cơ sở kinh doanh dịch vụ khác dọc theo đường bộ tuân thủ theo các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ."

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/9/2018.

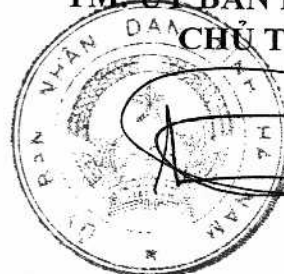
**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *gnd*

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ, Bộ GTVT (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Báo, Đài Hà Nam; TT Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- VPUB: LĐVP(4), GTXD, các CV;
- Lưu: VT, GTXD.

TA. - D\2018\Q\Đ\117

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Đông**